

Môn thi : Tiếng Nhật CLC1

Mã môn học: FLF1607**

Ngày thi: 02 tháng 8 năm 2022

Phòng thi: 1 (210B2)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	21040599	Nguyễn Đặng Trung	Anh	25/10/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
2	21040995	Nguyễn Ngọc	Anh	21/11/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
3	21040775	Nông Thiện	An	12/04/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
4	21040618	Dương Hoàng	An	14/04/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
5	21040996	Nguyễn Thúy	Anh	11/01/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
6	21040801	Phạm Thị Phương	Anh	20/08/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
7	21040058	Thành Hữu Lâm	Anh	31/10/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
8	21040670	Lâm Thị Phương	Anh	06/09/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
9	21040991	Hồ Thị Lan	Anh	07/06/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
10	21040788	Ngô Thị Phương	Anh	04/08/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
11	21040651	Nguyễn Thị Tú	Anh	24/03/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
12	21041002	Trịnh Thị Lan	Anh	13/11/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
13	21040805	Vũ Phương	Anh	12/04/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
14	21040782	Hà Thị Trung	Anh	02/10/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
15	21040795	Nguyễn Thị Phương	Anh	11/08/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
16	21040806	Đỗ Ngọc	Ánh	16/03/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
17	21041003	Vũ Ngọc	Ánh	24/08/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
18	21040808	Giáp Ngọc	Bích	25/09/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
19	21040809	Nguyễn Thị	Bình	10/07/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
20	21040004	Đỗ Minh	Châu	04/05/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
21	21041006	Hà Yến	Chi	30/09/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
22	20040249	Nguyễn Phương	Chi	01/10/2002	QH.2020.F.1.E6.NN23			
23	21040815	Phạm Khánh	Chi	16/10/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
24	21040204	Nguyễn Bùi Anh	Đức	18/02/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
25	21040184	Phùng Minh	Đức	13/10/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
26	21040831	Đặng Minh	Đức	03/01/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
27	21040822	Lê Hoàng Hạnh	Dung	20/12/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
28	21040115	Trương Thanh	Dung	06/09/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
29	21040412	Đỗ Anh	Dũng	04/06/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
30	21040824	Nguyễn Phi	Dũng	15/02/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
31	21040084	Trần Vũ Quý	Dương	13/07/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
32	21040826	Lại Thái	Dương	29/03/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
33	21040827	Nguyễn Thái	Dương	19/12/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
34	21040136	Nguyễn Thái Nhật	Duy	10/10/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
35	21040838	Nông Hương	Giang	25/03/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
36	21040103	Bành Thị	Giang	20/01/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
37	21040837	Nguyễn Thị Hồng	Giang	14/02/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
38	21040847	Võ Lê Thu	Hà	12/08/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
39	21040346	Phạm Ngân	Hà	21/09/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
40	21041008	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/10/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
41	21040408	Đỗ Hồng	Hạnh	26/09/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			

42	20040299	Dương Thu	Hiền	01/11/2002	QH.2020.F.1.E10.NN23			
43	21040856	Triệu Thị	Hiền	23/12/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
44	21041013	Vũ Thị	Hiền	14/12/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
45	21040858	Hà Trung	Hiếu	11/08/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
46	21040860	Trương Thúy	Hoa	20/02/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
47	21040607	Ngô Việt	Hoàng	10/07/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
48	21040172	Khúc Thị Ánh	Hồng	17/08/2003	QH.2021.F.1.E2.NN23			
49	21040862	Diệp Thị	Huế	02/05/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
50	20041419	Nguyễn Thị	Huệ	10/06/2002	QH.2020.F.1.E9.NN23			
51	21040389	Trần Thanh	Hương	02/05/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
52	20040335	Lê Thu	Hường	10/08/2002	QH.2020.F.1.E1.NN23			
53	21040865	Lù Quang	Huy	12/12/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
54	21040866	Phạm Quốc	Huy	30/06/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
55	21040867	Đỗ Thị	Huyền	01/01/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
56	21040326	Lê Thị Khánh	Huyền	20/01/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
57	21040325	Lê Thị Ngọc	Huyền	20/01/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
58	20040555	Lê Thu	Huyền	16/08/2002	QH.2020.F.1.E2.NN23			
59	21040055	Lê Tuấn	Kiệt	29/09/2003	QH.2020.F.1.E24.NN23			
60	21040878	Bùi Nhật	Lâm	08/03/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
61	21040889	Nguyễn Hoàng	Linh	10/03/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

Giám thị 1:

Người vào điểm:

Giám thị 2:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

Môn thi : Tiếng Nhật CLC1

Mã môn học: FLF1607**

Ngày thi: 02 tháng 8 năm 2022

Phòng thi: 2 (211B2)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	21040886	Nguyễn Diệu	Linh	18/12/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
2	21040895	Trần Nguyễn Khánh	Linh	22/08/2001	QH.2021.F.1.E5.NN23			
3	21040883	Lô Ngọc	Linh	02/12/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
4	21041025	Ma Khánh	Linh	25/05/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
5	21040885	Ngô Trịnh Việt	Linh	27/08/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
6	21040333	Nguyễn Khánh	Linh	14/11/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
7	21041029	Nguyễn Thúy	Linh	15/10/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
8	21040062	Hoàng Đỗ Duy	Long	18/11/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
9	21040422	Nguyễn Hoàng	Long	10/01/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
10	21041032	Hương	Ly	09/07/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
11	21040266	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	29/12/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
12	21040087	Lê Ngọc	Mai	26/12/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
13	21040901	Ngô Thị Ngọc	Mai	31/07/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
14	21041035	Tổng Thị	Mai	14/05/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
15	21040907	Trần Thị Xuân	Mai	27/09/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
16	21040909	Trần Đức	Mạnh	10/01/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
17	21040038	Nguyễn Trần	Minh	11/02/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
18	21040911	Vũ Ngọc	Minh	11/09/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
19	21040598	Nguyễn Thị Trà	My	11/05/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
20	20040397	Ngô Thảo	My	09/01/2002	QH.2020.F.1.E3.NN23			
21	21040342	Võ Việt	Nam	18/10/2003	QH.2021.F.1.E3.NN23			
22	21040217	Đặng Thị	Nghiệp	10/10/2003	QH.2021.F.1.E19.SPCLC			
23	21041044	Vũ Thị	Ngọc	07/09/2003	QH.2021.F.1.E9.NN23			
24	21040925	Nguyễn Yên	Nhi	05/09/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
25	21040249	Phạm Yên	Nhi	23/09/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
26	19040977	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/1/2001	QH.2019.F.1.E21			
27	21040138	Nguyễn Kim	Oanh	11/02/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
28	21040934	Trần Minh	Quang	29/10/2001	QH.2021.F.1.E8.NN23			
29	21041049	Lê Thuý	Quỳnh	05/11/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
30	21040938	Lê Thị	Quỳnh	24/08/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
31	21040257	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	09/05/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
32	21040479	Trần Bình	Son	26/03/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
33	21041052	Trần Đại	Son	14/10/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
34	21040239	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	18/01/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
35	21040940	Hà Nhật	Tân	26/05/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
36	21040942	Nguyễn Thái	Thanh	30/07/2003	QH.2021.F.1.E5.NN23			
37	21041057	Nông Thị	Thanh	10/12/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
38	21040116	Nguyễn Tiến	Thành	08/07/2003	QH.2020.F.1.E25.NN23			
39	21041061	Quản Thị	Thảo	04/06/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
40	21040948	Nông Thị Thanh	Thảo	18/08/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
41	21040944	Hoàng Thị Phương	Thảo	05/03/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			

42	21040951	Bùi Hoàng	Thiên	16/12/2003	QH.2021.F.1.E11.NN23			
43	21040952	Nguyễn Thị	Thu	08/09/2003	QH.2021.F.1.E6.NN23			
44	21041063	Nguyễn Thị Hoài	Thu	18/09/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
45	19041028	Phạm Trang	Thu	08/09/2001	QH2019.F.1.E16.NN23			
46	21041068	Lê Anh	Thư	26/01/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
47	21040953	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/09/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
48	21040956	Hoàng Minh	Thương	26/04/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
49	21041066	Lương Thị Phương	Thúy	20/05/2003	QH.2021.F.1.E8.NN23			
50	21040057	Nguyễn Ngọc	Thúy	14/09/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
51	21041073	Đoàn Thị Quỳnh	Trang	15/01/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
52	21040965	Nguyễn Quỳnh	Trang	02/07/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			
53	21041076	Phan Đậu Quỳnh	Trang	13/04/2003	QH.2021.F.1.E12.NN23			
54	21040961	Đậu Thị	Trang	16/07/2003	QH.2021.F.1.E14.NN23			
55	21040960	Đông Thị	Trang	03/12/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
56	21040388	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	07/10/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
57	21040137	Đào Mạnh	Tú	19/12/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
58	21040371	Nguyễn Cẩm	Tú	23/10/2003	QH.2021.F.1.E4.NN23			
59	21040981	Nguyễn Thị	Vân	27/05/2003	QH.2021.F.1.E10.NN23			
60	21040633	Nguyễn Sơn	Vũ	13/03/2003	QH.2021.F.1.E1.NN23			
61	20040531	Trần Thị	Yến	29/08/2002	QH.2020.F.1.E2.NN23			
62	21040989	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2003	QH.2021.F.1.E13.NN23			

Danh sách này có: sinh viên

Số dự thi:

Số bài thi:

Giám thị 1:

Người vào điểm:

Giám thị 2:

Người kiểm tra:

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA